PUBLIC

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư SGI
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Ballad Việt Nam ("TBLF")

Mẫu số B06g-QM
(Ban hành theo TT số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2025

1. Đặc điểm hoạt động của Quỹ mở:

1.1 Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ mở:

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Ballad Việt Nam ("Quỹ") nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 184/GCN-UBCK do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021. Thời gian phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng từ ngày 01/10/2021 tới ngày 26/10/2021.

Quỹ được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 44/GCN-UBCK ngày 19 tháng 11 năm 2021.

1.2 Địa chỉ liên hệ của Quỹ:

Tầng 02 Toà nhà The Terra, số 83 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội.

1.3 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ mở:

- **Quy mô vốn Quỹ mở:**
  - Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ là: 106.362.140.600 đồng.
  - Quy mô vốn của Quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính là: 77.553.283.100 đồng tính theo mệnh giá.
- Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV"): Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định vào thứ Ba hàng tuần (Ngày Định Giá). Trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ lễ, thì Ngày Định Giá sẽ là ngày làm việc liền trước ngày nghỉ lễ đó.
- Giá trị tài sản ròng tháng của quỹ được xác định vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ. Trường hợp công ty quản lý quỹ tăng tần suất giao dịch (nếu có) thì các kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ sẽ được tăng tương ứng.
- **Mục tiêu đầu tư:**

  Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng Ballad Việt Nam hướng đến việc tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư dựa trên việc phân bổ trọng điểm danh mục vào những cổ phiếu có những nền tảng tăng trưởng dài hạn.
- **Hạn chế đầu tư của Quỹ mở:**

  Danh mục đầu tư của quỹ TBLF phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 10 Điều lệ quỹ.
- **Hạn mức vay:**

  Hạn mức vay của Quỹ TBLF được quy định chi tiết tại Điều 11 trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

2.1 Kỳ kế toán:

Kỳ kế toán năm của quỹ là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Quỹ áp dụng Chế độ Kế toán Quỹ mở ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Quỹ mở quy định theo thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở ("Thông tư 198/2012/TT-BTC"), Thông tư 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ ETF và Quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98/2020/TT-BTC"), các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng:

Quỹ áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

4. Các chính sách kế toán áp dụng:

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ, tiền gửi của Quỹ cho mục đích thanh toán cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ, tiền gửi phong tỏa tổng hợp về mua Chứng chỉ Quỹ, tiền gửi ký quỹ cho hoạt động đầu tư chứng khoán phái sinh không bao gồm mức ký quỹ ban đầu đối với vị thế đang nắm giữ và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá ba (03) tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phân loại các khoản đầu tư:

(i) Nguyên tắc phân loại:

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận:

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iii) Ghi nhận ban đầu:

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở. Mức giá để đánh giá lại được xác định theo pháp luật chứng khoán hiện hành và Điều lệ Quỹ.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

(iv) Đánh giá lại:

Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản):
Cụ thể xin xem chi tiết tại Điều lệ Quỹ, Sổ tay định giá và các văn bản có liên quan khác.

(v) Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư:

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở.

4.3 Các khoản phải thu:

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến phải thu bán chứng khoán được hạch toán vào chi phí trong báo cáo thu nhập.

Dự phòng phát sinh trong năm liên quan đến cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác được hạch toán giảm thu nhập trong báo cáo thu nhập.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019:

Thời gian quá hạn	**Mức trích lập dự phòng**
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.4 Các khoản phải trả:

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

4.5 Vốn góp của nhà đầu tư:

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

4.5.1 Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau ngày chuyển đổi hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

4.5.2 Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau ngày thành lập hoặc theo phương thức chuyển đổi chứng chỉ quỹ của các quỹ mở khác thuộc sự quản lý của Công ty quản lý Quỹ với chứng chỉ của Quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

4.5.3 Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

4.5.4 Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận (lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

4.5.5 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

4.6 Doanh thu:

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.7 Chi phí:

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc thận trọng.

4.8 Thuế:

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 ("Thông tư 25"), Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển

nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ:

Giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, và được lấy đến 2 số thập phân.

Báo cáo bộ phận:

Quỹ hoạt động như một bộ phận.

4.9 Các bên liên quan:

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những cá nhân quản lý chủ chốt, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Quỹ liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Quỹ căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.10 Số dư bằng không:

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198/2012/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

5. Thông tin bổ sung cho các báo cáo tài chính:

5.1 Tiền gửi ngân hàng:

	31/03/2025	31/12/2024
	VNĐ	VNĐ
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở tại Ngân hàng giám sát	26.114.298.409	56.273.096.071
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua và bán lại chứng chỉ quỹ	100.283.575	160.220.000
	26.214.582.264	**56.433.316.071**

5.2 Các khoản đầu tư:

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị hợp lý các khoản đầu tư:

Khoản đầu tư	Giá mua	Giá thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
	[1]	[2]	[3]=[2]-[1]	[4]=[1]-[2]	[5]=[1]+[3]-[4]
Cổ phiếu	47.198.923.119	45.273.910.000	259.294.022	(2.184.307.141)	45.273.910.000
	47.198.923.119	**45.273.910.000**	**259.294.022**	**(2.184.307.141)**	**45.273.910.000**

5.3 Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở:

5.3.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ:

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,3% NAV/năm. Giá dịch vụ này được trả cho SGIC để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ TBLF. Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý sẽ được Công ty quản lý quỹ xác định trong từng giai đoạn nhưng phải đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý quỹ và các giá dịch vụ khác mà Quỹ chi trả cho công ty quản lý quỹ (nếu có) tuân thủ các quy định của pháp luật.

5.3.2 Giá dịch vụ lưu ký và giám sát:

Dịch vụ	Giá dịch vụ
Giám sát	• 0,02% một năm trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là 5.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT nếu có)
Lưu ký chứng khoán	• 0,05% một năm trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là 15.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT nếu có).
Quản trị Quỹ	• 0,03% một năm trên Giá trị tài sản ròng của Quỹ, mức phí tối thiểu là 15.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT nếu có)

Mức giá dịch vụ này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày. Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu. v.v…

5.4 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu:

		Tại ngày 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ	Tại ngày 31/03/2025
Vốn góp phát hành				
Số lượng CCQ	CCQ	13.593.622,15	63.479,67	13.657.101,82
Giá trị ghi theo mệnh giá	VNĐ	135.936.221.500	6.347.967.000	136.571.018.200
Thặng dư vốn góp phát hành	VNĐ	(1.782.229.827)	(36.169.875)	(1.818.399.702)
Tổng giá trị phát hành CCQ	*VNĐ*	134.153.991.673	598.626.825	134.752.618.498
Vốn góp mua lại				
Số lượng CCQ	CCQ	(5.305.093,39)	(596.680,12)	(5.901.773,51)
Giá trị ghi theo mệnh giá	VNĐ	(53.050.933.900)	(5.966.801.200)	(59.017.735.100)
Thặng dư vốn góp mua lại	VNĐ	7.934.212.260	342.274.560	8.276.486.820
Tổng giá trị mua lại CCQ	*VNĐ*	*(45.116.721.640)*	*(5.624.526.640)*	*(50.741.248.280)*
Lợi nhuận để lại	**VNĐ**	**(10.452.713.195)**	**(2.539.728.827)**	**(12.992.442.022)**
Số lượng CCQ hiện hành	**CCQ**	**8.288.528,76**	**(533.200,45)**	**7.755.328,31**
NAV hiện hành	**NVĐ**	**78.584.556.838**		**71.018.928.196**
NAV hiện hành/ 1 CCQ	**VNĐ/CCQ**	**9.481,12**		**9.157,43**

5.5 Lợi nhuận chưa phân phối:

	Tại ngày 31/12/2024	Phát sinh trong kỳ	Tại ngày 31/03/2025
	VND	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối	(10.452.713.195)	(2.539.728.827)	(12.992.442.022)
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	**(10.452.713.195)**	**(2.539.728.827)**	**(12.992.442.022)**

5.6 Lãi/lỗ bán các khoản đầu tư:

	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán từ 30/09/2024 đến 31/12/2024
	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	4.152.100.000	4.041.045.744	111.054.256
	4.152.100.000	**4.041.045.744**	**111.054.256**

5. Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo tài chính:

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

Người lập: Người duyệt:

Bà Cao Thị Kim Nhạn	**Bà Cao Thị Kim Nhạn**	**Ông Lê Chí Phúc**
Kế toán	*Kế toán trưởng*	*Tổng giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Đống Đa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SGI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0103000763
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-04-17 16:15:13
Foxit Reader Version: 9.6.0

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 1, CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100150619-079
Reason: I am approving this document
Location:
Date: 2025.04.17 16:12:00+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2